

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/HS-PT
Ngày: 26-7-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đặng Hữu Tài - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47/2023/TLPT-HS ngày 16 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo Văn Bá T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo: **Văn Bá T**, sinh năm 1989 tại tỉnh Tiền Giang; nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: lớp 12/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không quốc tịch: Việt Nam; con ông Văn Bá C và bà Dương Thị N; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 28/7/2022 cho đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 năm 2018 đến đầu tháng 10 năm 2021, Văn Bá T đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Ngày 13/6/2018, do nhu cầu cần tiền tiêu xài, T đem xe mô tô biển số 63B9-626.40, màu đen, nhãn hiệu HONDA, loại xe SH150i do T làm chủ sở hữu, bán cho anh Hồ Văn T1 với giá 100.000.000 đồng. Cả hai làm thủ tục mua bán có công chứng, nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau khi bán xe cho anh T1, T thuê lại xe mô tô trên với giá 7.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 02 tháng để đi lại và được anh T1 đồng ý, anh T1 chỉ giao xe và giữ lại giấy đăng ký xe. Đến tháng 8 năm 2018,

sau khi hết thời hạn thuê xe, T nảy sinh ý định chiếm đoạt xe trên nên đưa thông tin gian dối rằng quá trình lưu thông tại tỉnh Đồng Tháp, T bị Cảnh sát giao thông tạm giữ xe mô tô trên. Do đó, cần phải có giấy chứng nhận đăng ký xe để lấy xe ra. Anh T1 nghe T đưa thông tin như vậy nên tin tưởng, giao giấy đăng ký xe cho T. Sau khi có được giấy đăng ký xe, T không trả xe và giấy tờ mà trốn tránh không gặp anh T1 như thỏa thuận để chiếm đoạt xe của anh T1.

Vụ thứ hai: Với mục đích muốn chiếm đoạt tài sản của người khác, ngày 12/10/2018, T đem xe mô tô trên, cùng giấy đăng ký xe tiếp tục bán cho anh Nguyễn Văn Đ với giá 100.000.000 đồng, cả hai có làm hợp đồng mua bán. Với thủ đoạn bán xe rồi thuê lại để sử dụng như trước đó, T đã thuê lại xe trên từ anh Đ với giá 5.000.000 đồng/tháng, T đã thanh toán tiền thuê xe 06 tháng và được anh Đ đồng ý. Anh Đ chỉ giao xe và giữ lại giấy đăng ký xe. Sau đó, T trốn tránh và không trả xe cho anh Đ.

Vụ thứ ba: Ngày 12/3/2019, T dùng bản sao giấy đăng ký xe trên, cung cấp thông tin và liên hệ 01 người tên H không rõ lai lịch để làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 63B9-626.40. Đến ngày 18/3/2019, sau khi có được giấy đăng ký xe giả, T không trả xe cho anh Đ mà đem đến cửa hàng cầm đồ của anh Tăng Văn Đ1 cầm xe trên với giá 100.000.000 đồng. Sau đó, T rời khỏi địa phương, các bị hại không liên lạc được với T.

Kết luận định giá số 145/KL-HDDGTS ngày 11/11/2020 của Hội đồng định giá thành phố M, tỉnh Tiền Giang kết luận: 01 xe mô tô hai bánh, hiệu SH, biển số 63B9-626.40, nhãn hiệu HONDA màu sơn: trắng, đen; số máy: KF08E5003632KTGE1, số khung: RLHKF1102AY003528. Xác định giá trị còn lại là: 24.641.980 đồng (Hai mươi bốn triệu sáu trăm bốn mươi một nghìn chín trăm tám mươi đồng).

Kết luận giám định số 895/KTHS-Đ2 ngày 07/9/2022 của Phòng K Công an tỉnh T: phôi in giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 tên chủ xe Văn Bá T, địa chỉ: T - T - Chợ G - TG, nhãn hiệu HONDA SH150i, màu sơn: trắng đen, biển số đăng ký: 63B9-626.40, số máy: KF08E5003632KTGE1, số khung: RLHKF1102AY003528, cấp ngày 05/02/2017 (Ký hiệu 895/A) là phôi giấy giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Hình dấu tròn đỏ nội dung “CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG - CÔNG AN HUYỆN CHỢ GẠO” trên giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 (Ký hiệu 895/A) là hình dấu giả được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Chữ ký mang tên thượng tá Bùi Văn X (Ký hiệu 895/A) trên “chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 (Ký hiệu 895/A) là giả, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

Kết luận giám định số 954/KTHS (Đ2) ngày 20/9/2022 của Phòng K Công an

tỉnh T: Giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 tên chủ xe Văn Bá T, địa chỉ: T - T -Chợ G - TG, nhãn hiệu HONDA màu sơn: trắng - đen, biển số đăng ký: 63B9-626.40, số máy: KF08E5003632KTGE1, số khung: RLHKF1102AY003528, số loại SH150, cấp ngày 05/02/2017 (Ký hiệu A) so với mẫu Giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” lưu tại Phòng K, Công an tỉnh T (Ký hiệu M) là có cùng phương pháp in.

Hình dấu tròn đỏ nội dung “CÔNG AN TỈNH TIỀN GIANG- CÔNG AN HUYỆN CHỢ GẠO” trên giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 (Ký hiệu A) so với mẫu Giấy “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” lưu tại Phòng K, Công an tỉnh T (Ký hiệu M) do cùng một con dấu đóng ra.

Chữ ký mang tên thượng tá Bùi Văn X – P.Trưởng Công an huyện trên “Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy” số 022975 (A) so với mẫu chữ ký mang tên Thượng tá Bùi Văn X – Phó Trưởng Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang lưu tại Phòng K, Công an tỉnh T (Ký hiệu M) là do cùng một người ký ra.

Vụ thứ tư: Vào ngày 20/4/2020, Nguyễn Thị Hồng Y bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm xử lý tài sản là quyền sử dụng đất bằng hình thức kê biên để đảm bảo thi hành án. Thông qua cô ruột của mình là bà Nguyễn Thị N1 (sinh năm 1969, nơi cư trú: ấp M, xã M, huyện B, tỉnh Bến Tre) giới thiệu quen biết với Trương Ngọc C1. Bà C1 hứa giúp chị Y lấy lại tài sản từ Chi cục THADS huyện G dưới hình thức cho vay và thế chấp quyền sử dụng đất mà Chi cục THADS huyện G đã kê biên. Bà C1 giới thiệu chị Y với Văn Bá T, vì cho rằng T sẽ giúp được chị Y. T nói với bà C1 sẽ giúp được Y và yêu cầu bà C1 làm trung gian nhận tiền từ chị Y sau đó đưa lại cho T để T làm chi phí thực hiện việc lấy tài sản của chị Y từ Chi cục THADS huyện G. Ngày 11/6/2021, T yêu cầu bà C1 nói với Y là T cần 35.000.000 đồng để làm chi phí cho vay, Y đưa cho bà C1 35.000.000 đồng tại ấp T, xã T, huyện B. Sau đó, bà C1 giao trực tiếp cho T 30.000.000 đồng tại thành phố B, T ghi biên nhận tiền giữa T và bà C1 nhưng sử dụng họ tên là Nguyễn Thanh T2 nhằm mục đích che giấu tên thật của mình với bà C1, còn lại 5.000.000 đồng Tâm cho bà C1.

Vụ thứ năm: Ngày 20/8/2021, sau 01 thời gian chưa chuộc lại được tài sản, chị Y gọi điện thoại cho bà C1 để hỏi về việc có chuộc được tài sản chưa. Bà C1 liên hệ với T2 để hỏi tình hình thì T2 dùng lời lẽ thuyết phục bà C1 để bà C1 nói với chị Y tiếp tục đưa cho T2 thông qua bà C1 số tiền 12.000.000 đồng tại ấp T, xã T, huyện B để làm chi phí chuộc tài sản. Sau khi nhận tiền từ chị Y, bà C1 liên hệ với T2 và được T2 cho số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ H1 (sinh năm 1987, cư trú ở Khu phố C, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre) là bạn của T2. Bà C1 đến cửa hàng “Điện máy xanh” tại xã L, huyện B chuyển khoản cho T2 10.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng Tâm cho bà C1.

Vụ thứ sáu: Ngày 19/9/2021, để tiếp tục lừa chị Y, T2 nói dối và thuyết phục bà C1 nói với chị Y rằng, quá trình làm thủ tục giấy tờ, do Y không có tiền nên T2 có cho chị Y vay 40.000.000 đồng để làm chi phí đi lại lo giấy tờ cho chị Y (trên thực tế T2 không cho chị Y vay số tiền trên), nay chị Y phải đóng lãi 10.000.000 đồng của số tiền vay trên. Chị Y đi đến bưu điện thị trấn G gửi qua đường bưu điện cho bà C1 10.000.000 đồng. Bà C1 đến bưu điện L chuyển vào tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ H1 8.500.000 đồng cho T2, còn lại 1.500.000 đồng, T2 cho bà C1.

Vụ thứ bảy: Ngày 06/10/2021, sau một thời gian chưa làm được thủ tục lấy lại tài sản, chị Y gọi điện thoại cho bà C1, bà C1 liên hệ với T2 để hỏi thì T2 cho biết cần 35.000.000 đồng nữa để làm bước cuối cùng lấy tài sản ra. Tại ấp B, xã T, huyện B, chị Y đưa cho bà C1 35.000.000 đồng. Sau đó bà C1 đến nhà người quen nhờ chuyển qua số tài khoản của Nguyễn Thị Mỹ H1 27.000.000 đồng, còn 8.000.000 đồng T2 cho bà C1. Tuy nhiên, sau nhiều lần nhận tiền từ chị Y, T2 không thực hiện việc giúp chị Y chuộc tài sản như đã hứa mà dùng toàn bộ số tiền trên vào mục đích tiêu xài cá nhân. Sau đó tài sản của chị Y bị Chi cục THADS huyện G cưỡng chế để đảm bảo thi hành án, biết mình bị lừa nên chị Y đã làm đơn tố giác.

Kết luận giám định số 371/2022/KL-KTHS ngày 12/8/2022 của Phòng K Công an tỉnh B: Chữ ký, chữ viết “Trương Ngọc C1” dưới mục “Người giao tiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết của Trương Ngọc C1 trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M1 đến M4) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký, viết ra.

Chữ ký, chữ viết “Nguyễn Thanh T2” dưới mục “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) nêu tại mục II.1 so với chữ ký, chữ viết của Văn Bá T trên các tài liệu mẫu (ký hiệu M5 đến M12) nêu tại mục II.2 do cùng một người ký, viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ:

- 01 xe mô tô hai bánh, hiệu SH, biển số 63B9-626.40, nhãn hiệu HONDA màu sơn: trắng, đen, số khung: RLHKF1102AY003528, số máy: KF08E5003632KTGE1, xe bị trầy xước nhiều nơi.

- 01 giấy đăng ký xe số: 022975, tên chủ xe Văn Bá T, biển số đăng ký 63B9-626.40 (qua giám định là giấy đăng ký thật) và 01 giấy đăng ký xe cùng tên, cùng số đăng ký như trên (qua giám định là giả).

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2023/HS-ST ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Văn Bá T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38

của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 01 (một) năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 06 (sáu) tháng tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 02 (hai) năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 09 (chín) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Văn Bá T chấp hành hình phạt chung là 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2022.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/5/2023 bị cáo Văn Bá T kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Văn Bá T khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo chỉ yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

- *Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau:* Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Văn Bá T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; 06 tháng tù về “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; 02 năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; 09 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 12 năm 06 tháng tù. Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là tương xứng; 02 năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là mức thấp nhất của khung hình phạt; 09 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc do bị cáo đã khắc phục hậu

quả được một phần, cho nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo; riêng về hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” không đủ yếu tố cấu thành tội phạm do *bị cáo cung cấp thông tin của bị cáo làm cho bị cáo sử dụng* vào mục đích lừa đảo nên hành vi trên không cấu thành “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên bố bị cáo Văn Bá T không phạm “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, đình chỉ vụ án đối với “T3 làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Văn Bá T; sửa Bản án sơ thẩm:

Tuyên bố bị cáo Văn Bá T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Văn Bá T 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Văn Bá T 02 năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Văn Bá T từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Văn Bá T chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội danh từ 11 năm đến 11 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2022;

Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bị cáo không tranh luận.

- Bị cáo nói lời sau cùng: xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về lo cho mẹ và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định

tổ tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 6 năm 2018 đến đầu tháng 10 năm 2021, trên địa bàn thành phố M, tỉnh Tiền Giang và các huyện B, G, B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, xuất phát từ nhu cầu cần tiền tiêu xài cá nhân nhưng lười lao động, Văn Bá T đã thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của ông Hồ Văn T1 với giá trị 24.641.980 đồng, thực hiện hành vi “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” 06 lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của anh Nguyễn Văn Đ, anh Tăng Văn Đ1, chị Nguyễn Thị Hồng Y có tổng giá trị: 292.000.000 đồng.

[3] Về tội danh:

Bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích chiếm đoạt tài sản, đã thực hiện hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của ông Hồ Văn T1 với giá trị 24.641.980 đồng, thực hiện hành vi “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, 06 lần thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” để chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn Đ, anh Tăng Văn Đ1, chị Nguyễn Thị Hồng Y có tổng giá trị: 292.000.000 đồng; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, của tổ chức, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Văn Bá T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “*Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự; “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” với tình tiết định khung “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng*” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật;

Riêng đối với “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; thấy rằng tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận chỉ cung cấp thông tin giấy đăng ký xe thật của bị cáo trên zalo cho đối tượng tên H để yêu cầu đối tượng tên H làm giấy đăng ký xe giả, sau đó

đôi tượng tên H đưa trực tiếp giấy đăng ký xe giả cho bị cáo và bị cáo trả tiền công cho đôi tượng tên H số tiền 3.000.000 đồng; bị cáo không có phụ giúp đôi tượng tên H làm giấy đăng ký xe giả, không biết công việc làm giấy đăng ký xe giả như thế nào, chỉ thuê đôi tượng tên H làm giấy đăng ký xe giả và trả tiền thuê 3.000.000 đồng; bị cáo có chỉ đường cho Công an đến nhà đôi tượng tên H ở thành phố M, tỉnh Tiền Giang nhưng Công an tìm không gặp, Công an không có đưa bị cáo cùng đi tìm nhà đôi tượng tên H. Xét thấy bị cáo chỉ cung cấp thông tin giấy đăng ký xe thật của bị cáo để làm giấy đăng ký xe giả cho bị cáo sử dụng vào mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản, hành vi này của bị cáo không đủ yếu tố cấu thành “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, vì vậy cần tuyên bố bị cáo không phạm “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” là có căn cứ pháp luật.

[4] Xét kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, thấy rằng:

Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo đã xem xét về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: Về tình tiết tăng nặng: đối với “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo đã *tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại* cho bị hại Y số tiền 42.000.000 đồng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo *thành khẩn khai báo các lần thực hiện hành vi phạm tội của mình* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo *có ông nội, cậu là liệt sĩ hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, bà ngoại là thương binh* nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, 02 năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 09 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Mặc dù bị cáo cùng lúc phạm nhiều tội, trong đó có phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng, phạm tội với lỗi cố ý, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*phạm tội 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Tuy nhiên; bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 01 năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm

tội và hậu quả bị cáo gây ra; xử phạt bị cáo 02 năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” là mức hình phạt khởi điểm của khung hình phạt được áp dụng theo khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự xem như đã có chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo; xử phạt bị cáo 09 năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có phần nghiêm khắc do bị cáo cũng đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 42.000.000 đồng. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo Văn Bá T không phạm “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, đình chỉ vụ án đối với “T3 làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[6] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 359 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Văn Bá T không phạm “Tội làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, đình chỉ vụ án đối với “T3 làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Văn Bá T; sửa Bản án sơ thẩm;

Tuyên bố bị cáo Văn Bá T phạm “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 01 (một) năm tù về “Tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 02 (hai) năm tù về “Tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Văn Bá T 08 (tám) năm tù về “Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Văn Bá T

phải chấp hành hình phạt chung cho cả 03 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/7/2022.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Bị cáo Văn Bá T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Bình Đại (3b);
- VKSND huyện Bình Đại (1b);
- Công an huyện Bình Đại (1b);
- Chi cục THADS huyện Bình Đại (1b);
- UBND x.T, h.Chợ Gạo, t.Tiền Giang (1b);
- Nhà tạm giữ CA huyện Bình Đại (1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông